

Số: 65/2017/HSST

Ngày: 20/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Bà Lê Thị Len.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST, ngày 05/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Đại T, sinh năm 1981; Tại: CL, HL, Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm X, ĐT, xã CL, huyện HL, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị L(Đã chết), gia đình có 02 con, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Tôn Nữ Nhật T và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân Thân: Ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện HL xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Hiện đang chấp hành án của bản án này.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quốc K, sinh năm 1996; Tại: HP, HT, Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã HP, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V và bà Đặng Thị L, gia đình có 02 người con bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/5/2017 đến ngày 26/5/2017 chuyển tạm giam đến ngày 14/8/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Trịnh Văn L, sinh năm 1994, Tại: HB, HT, Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị B, gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai. Vợ là Hoàng Thị N và 01 con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 09/3/2017 bị

Công an xã Hà Bình huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Nhân thân: Ngày 26/11/2015, bị Công an thị xã Tam Điệp nay là Thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (đã Nộp phạt); Bị tạm giữ từ ngày 09/8/2017 đến ngày 17/8/2017 chuyển tạm giam cho đến nay tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Văn M, sinh năm 1990; Tại: HL, HT, Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn X, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn L và Hoàng Thị P, gia đình có hai người con bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Thân: Ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện HL xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, được trừ 09 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày tù. Ngày 07/9/2017 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung bắt tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Anh T1, sinh năm 1997; Tại: ĐL, HL, Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Y, NP, ĐL, HL, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị M, gia đình có hai con, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Thân : Ngày 05/8/2014, bị tòa án nhân dân huyện HL xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, ngày 08/4/2015 chấp hành xong bản án. Ngày 07/9/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung đã bắt bị can để tạm giam, đến ngày 15/9/2017 thay thế bằng biện pháp bảo Lãnh.

Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Xuân D, sinh năm 1998; Tại: Hà Phong, Hà Trung, Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: Thôn TL, xã HP, huyện HT, Thanh Hóa ; Nơi ở: Tiểu khu X, Thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân S và bà Hoàng Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Mai Văn T, sinh năm 1963;

Trú tại: Thôn TL, xã HP, huyện HT, Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Đào Đức H, sinh năm 1965;

Trú tại: Thôn TL, xã HP, huyện HT, Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Văn P, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn NT, xã ĐL, huyện HL, Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 05/5/2017 Nguyễn Quốc K và Đỗ Đại T đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy SYM loại ELEGENT biển kiểm soát: 36B3 - 912-64 tại gia đình ông Mai Văn T. Quá trình điều tra T và K còn khai nhận ngày 06/5/2017 hai bị can còn trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu WaveS, màu đen xám, biển kiểm soát: 36p2 - 0587 của ông Đào Đức H ở thôn Tương Lạc, xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó đưa tài sản trộm cắp được cho Trịnh Văn L, Bùi Văn M, Trần Anh T1 và Nguyễn Xuân Dđi tiêu thụ cụ thể như sau:

Khoảng 03h30 phút ngày 05/5/2017, sau khi ngồi chơi điện tử ở quán Internet Trường Sơn 3 thuộc TK2, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Nguyễn Quốc K và Đỗ Đại T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Trước khi đi trộm cắp tài sản T chuẩn bị 01 tuvit và 02 cà lê để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. K và T đi bộ theo tuyến đường đê bê tông đi xã Hà Phong, khi đến gia đình ông Mai Văn T sinh năm 1963 ở thôn Tương Lạc, xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện chiếc xe máy SYM loại ELEGENT, màu đen trắng, biển kiểm soát: 36B3 - 912-64 đang để tại cổng của gia đình ông T, quan sát thấy không có người nên T bảo với K đứng ở ngoài làm nhiệm vụ canh giới còn T đi đến vị trí chiếc xe máy rồi dùng chiếc tu vít đã chuẩn bị sẵn từ trước, cắm vào ổ khóa xe máy để mở nhưng không được. K thấy vậy liền đi lại nói với T là để K làm cho. Nói xong K dùng tay phải cầm chiếc tu vít vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn xe máy bật sáng, sau khi mở được khóa thì K lên xe nổ máy trở theo T đi ra QL 1A, khi ra đến QL1A K điều khiển xe rẽ trái đi về hướng thành phố Thanh Hóa, đi qua cầu Đò Lèn khoảng gần 1km thì rẽ trái vào con đường bê tông thuộc thôn Ngọc Trì, xã Đại Lộc, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa, K đã điều khiển xe máy đi theo đường này được 300m thì dừng lại. Tại đây K và T cùng nhau tháo biển kiểm soát cùng 02 chiếc gương xe máy vứt xuống mương nước gần vị trí 2 người đang đứng nhằm mục đích để không cho chủ xe nhận ra tài sản của mình. Sau đó cả 2 quay về quán Trường Sơn 3. Đến khoảng 6h 30 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho Bùi Văn M để nhờ bán chiếc xe máy vừa trộm cắp được. Lúc này M đang đi chơi cùng với Trịnh Văn L, Trần Anh T1. Nghe điện của T xong M điều khiển xe máy Wave anpha, màu trắng, biển kiểm soát: 36B4 - 587.17 chở theo L và T1 đến quán Trường Sơn 3 để gặp T. Khi gặp nhau ở quán Trường Sơn 3, T nói với M, L, T1 “Em có chiếc xe máy vừa nhả được (ý nói xe trộm cắp), anh em xem có chỗ nào bán được không?” khi nghe T nói vậy thì L nói lại với T là: “ để đem ra ông anh ngoài Tam Điệp bán xe”. Nói xong cả 4 người gồm L, T, M và T1 mang xe máy ra Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình để tiêu thụ. Quá Trình đi thì T là người điều khiển chiếc xe máy vừa trộm cắp được; L, M, T1 thì đi xe máy của L do M điều khiển, L và T1 ngồi phía sau. Khi đi đến khu vực Dốc Xây, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thì L bảo T1 và T ngồi đợi L và M đi bán xe rồi quay lại đón. Trước khi đi L đưa trước cho T số tiền 200.000đ sau đó L đi chiếc xe máy SYM mà T trộm cắp được, còn M đi xe máy Wave an pha đến nhà Lê Công Hùng sinh năm 1977 ở phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Khi gặp

Hùng, L nói với Hùng “Anh đẩy giúp bạn em con xe” thì Hùng nói lại với L và M là xe không có giấy tờ thì khó bán lắm vì vậy Hùng Không đồng ý mua chiếc xe SYM. T ngồi đợi mãi chưa thấy L và M quay lại nên T đã lấy điện thoại ra gọi cho M hỏi về việc đã bán được chiếc xe máy chưa thì M nói với T là đang giao dịch bán xe, tý nữa xong việc sẽ quay lại, sau đó M trao đổi toàn bộ nội dung mà T nói cho L nghe. L nghe xong thì lấy trong túi quần ra 400.000đ đưa cho M và bảo M quay lại đưa số tiền này cho T và nói với T là còn thiếu bao nhiêu tiền từ việc bán xe thì sẽ nói chuyện với T sau. M cầm tiền quay lại vị trí T và T1 đang đợi đưa số tiền 400.000đ cho T rồi cả 3 lên xe máy quay về quán Trường Sơn 3. Còn L ở chỗ anh Hùng ngồi chơi một lúc thì đi xe máy SYM về nhà tại thôn Đông Trung, xã Hà Bình và cất giấu. Đến chiều cùng ngày, T gọi điện thoại cho M và bảo M gọi điện thoại cho L để hỏi thêm tiền bán chiếc xe máy SYM. M gọi điện thoại cho L, thì được L hẹn T và M ra khu vực cánh đồng thuộc thôn Đông Trung, xã Hà Bình để nói chuyện. Tại đây, giữa L và T xảy ra cãi nhau vì T yêu cầu bán chiếc xe với giá: 1.500.000đ nhưng L không đồng ý với giá đó và nói với T là “con xe đây chỉ mua được với giá 1.100.000đ, nếu không đồng ý thì trả lại tiền mà lấy xe về”. T thấy L nói vậy thì đồng ý bán chiếc xe trên cho L với giá: 1.100.000đ. Vì trước đó L đã đưa cho T 600.000đ lần này L đưa thêm cho T 500.000đ tổng cộng 3 lần đưa tiền cho T là 1.100.000đ. Sau khi nhận tiền xong T và M về quán Trường Sơn 3 chơi điện tử còn L đi về nhà ở thôn Đông Trung, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. T và M về đến quán Trường Sơn 3 thì gặp K và nói với K là đã bán được chiếc xe máy trộm cắp được với giá 1.100.000đ số tiền này T đã tiêu xài hết và nói với K tiền ăn chia được từ việc bán xe trộm cắp sẽ trả cho K sau.

Đến ngày 17/5/2017, K đã đến Công an huyện Hà Trung đầu thú và khai báo toàn bộ nội dung hành vi phạm tội của bản thân cùng đồng bọn. Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng của vụ án là chiếc xe máy SYM nhãn hiệu ELEGENT có màu đen trắng của gia đình ông T bị mất ngày 05/5/2017.

Tại kết luận định giá ngày 24/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hà Trung kết luận chiếc xe máy SYM nhãn hiệu ELEGENT biển kiểm soát: 36B4 - 587.17 Các bị cáo trộm cắp nhà ông T trị giá: 4.700.000đ.

Sau định giá ngày 26/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung trả lại cho ông Mai Văn T là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận lại tài sản ông T không có yêu cầu kiến nghị gì về phần bồi thường dân sự của vụ án trên.

Đối với chiếc tu vít và 2 cái cà lê mà T chuẩn bị từ trước đó để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra T khai nhận đã vứt bỏ tại khu vực trước cổng nhà máy thuốc lá Thanh Hóa thuộc TK3, TT Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave an pha, màu trắng, BKS: 36B4 - 587.17 mà M, T1, L sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe máy này là của bà Nguyễn Thị Bí (mẹ đẻ của L) ở thôn Đông Trung, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Bà Bí không có lỗi trong việc sử dụng chiếc xe nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Về số tiền 1.100.000đ mà T bán chiếc xe máy SYM cho L thì T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ Trộm thứ hai: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/5/2017, sau khi chơi điện tử ở quán Internet Trường Sơn 3 thuộc TK2, TT Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Nguyễn Quốc K và Đỗ Đại T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Trước khi đi T đem theo một chiếc cà lê, một đầu tu vít và một chiếc bấm móng tay. Cả hai đi bộ theo tuyến đường đê thuộc xã Hà Phong. Khi đi đến khu vực thôn Tương Lạc, xã Hà Phong, thì cả hai phát hiện thấy tại sân của gia đình ông Đào Đức H sinh năm 1965 ở thôn Tương Lạc, xã Hà phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa có một chiếc xe máy nhãn hiệu WaveS, màu đen xám, biển kiểm soát: 36p2 - 0587, chìa khóa vẫn đang cắm ở ổ khóa, quan sát thấy cửa cổng bị khóa nên T đưa chiếc bấm móng tay cho K để K mở khóa cửa. K cầm chiếc bấm móng tay đi lại vị trí cửa cổng để mở khóa nhưng không mở được vì vậy K bảo T đứng ở ngoài cổng làm nhiệm vụ quan sát, cảnh giới còn K trèo tường vào sân nhà ông H. Khi vào đến sân, K phát hiện thấy có một chiếc kim để tại mép sân nên K lấy chiếc kim để cắt khóa cổng khoảng gần một tiếng đồng hồ thì cắt được khóa, sau khi cắt được khóa, K cầm chiếc kim cùng chiếc khóa vứt bỏ tại chân đê xã Hà Phong cách nhà ông H khoảng 2 mét về phía tây. Sau khi K dắt xe máy ra ngoài đê cho nổ máy rồi chở T ngồi ở phía sau tàu thoát. Cả hai đi dọc đường đê về hướng xã Hà Lâm đi đến trạm bơm xã Hà Lâm thì dừng lại. Tại đây K và T tháo giá để đồ phía sau xe cùng giấy tờ, hóa đơn bán hàng trong cốp xe cùng chiếc bấm móng tay, một cà lê, một đầu tu vít và vứt bỏ ở đó. Sau đó quay về thị trấn Hà Trung ăn đêm rồi quay lại quán Trường Sơn 3. Khi về quán Trường Sơn 3, K bấm chuông gọi cửa thì Nguyễn Xuân Dra mở cửa. Trong quán lúc này còn có bị can Trần Anh T1 (là bạn của K, T, D) đang ngồi chơi điện tử tại đây. Trong lúc cả 4 người gặp nhau thì D hỏi K “Xe nhảy (trộm cắp) ở gần hay ở xa” K nói lại với D là “Xe nhảy ở gần đây” và bảo D sáng mai kiếm chỗ nào cắm xe cho K, thì D trả lời là: “ Có gì đến sáng mai rồi tính”. Quá trình nói chuyện thì T1 cũng biết được chiếc xe máy Wave S mà K nhờ D cắm xe là tài sản do K và T vừa trộm cắp được mà có.

Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày D và T1 đưa chiếc xe máy Wave S biển kiểm soát: 36P2 - 0587 mà T và K trộm cắp được đến hiệu cầm đồ P Long do anh Ngô Văn P sinh năm 1983 ở thôn Ngọc Trì, xã Đại Lộc, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa làm chủ để cầm xe. Tại đây anh P hỏi D về nguồn gốc chiếc xe máy thì D nói với anh P chiếc xe WaveS là xe của gia đình, đang cần tiền nên đi cầm. Khi đó anh P bảo với D là chiếc xe đó chỉ cho cầm 1.500.000đ vì không có giấy tờ. D thấy ít tiền nên không đồng ý cầm xe. Sau đó cả 2 đi về quán Trường Sơn 3 và nói lại với K và T về nội dung đi cầm xe tại quán cầm đồ P Long. T nghe xong thì lấy xe máy vừa trộm được quay lại trạm bơm Hà Lâm để tìm giấy tờ liên quan đến chiếc xe. Một lúc sau thì tìm thấy đăng ký xe máy Wave S, biển kiểm soát: 36P2 - 0587. T cầm đăng ký xe về quán Trường Sơn 3 đưa lại cho D. Lúc này, T và T1 ở lại quán Trường Sơn 3 còn D và K quay lại quán cầm đồ P Long. Vì khi đó xe có giấy tờ nên anh P đồng ý cho cầm xe trên với giá: 3.000.000đ. Quá trình đi bộ từ quán cầm đồ P Long về quán Trường Sơn 3, D thống nhất với K là về nói với T là cầm xe được 2.500.000đ. Số tiền còn lại là 500.000đ sẽ ăn chia và được K đồng ý. K đưa cho D số tiền 250.000đ. Khi về quán Trường Sơn 3, K nói với T là cầm xe được 2.500.000đ số tiền này K đưa cho T 1.000.000đ, đưa cho D 500.000đ và K giữ lại

1.000.000đ. Dcầm tiền rồi đưa cho T1 250.000đ, sau đó cả 4 bị can tiếp tục ngồi chơi điện tử tại đây.

Đến ngày 08/5/2017, K bảo Dsang quán cầm đồ P Long bán đứt chiếc xe Wave S biển kiểm soát: 36P 2 - 0587 đã cầm hôm trước để lấy thêm tiền tiêu xài và Đồng ý. Dvà K mượn xe máy của một người bạn tại quán Trường Sơn 3 đi sang quán cầm đồ P Long nhưng không có anh P ở nhà nên cả hai quay về quán Trường Sơn 3. Sau khi về quán Trường Sơn 3 thì Dữ Trần Anh T1 và Bùi Văn M đi sang quán cầm đồ P Long để bán xe với D. Cả 3 sang quán P Long nhưng lúc này anh P vẫn chưa có ở nhà nên cả ba quay về quán Trường Sơn 3. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày D, T1, M tiếp tục quay xe lại quán cầm đồ P Long, khi đi đến cầu Đò Lèn thì T1 nói với Dcho T1 xuống xe và đứng ở đây đợi Dvà M vì T1 ngại gặp anh P do chỗ quen biết với nhau từ trước. Sau đó Dvà M sang quán P Long rồi bán chiếc xe WaveS biển kiểm soát: 36P2 - 0587 cho anh P với giá: 4.500.000đ, vì trước đó anh P đã cho Dvà K cầm với giá 3.000.000đ nên khi đó anh P đưa thêm cho D1.500.000đ. Sau khi nhận tiền Dvà M quay lại đón T1 ở cầu Đò Lèn rồi cả ba quay về gặp K, Dđưa cho K 800.000đ. K cầm tiền rồi đưa lại cho D500.000đ - là tiền công Dđi bán xe và giữ lại 300.000đ. Dnhận tiền từ K rồi mua cho M 3 chiếc thẻ điện thoại với tổng giá trị: 150.000đ và trả tiền chơi game, tiền uống nước cho mọi người.

Tại kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hà Trung ngày 24/5/2017 trị tài sản của chiếc xe máy WaveS 36P2 – 0587 trị giá 7.500.000đ(*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*)

Sau định giá Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung trả chiếc xe cho ông Đào Đức H là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận lại xe ông H không có yêu cầu kiến nghị gì về phần bồi thường dân sự trong vụ án nói trên.

Số tiền 4.500.000đ mà anh P mua chiếc xe nói trên thì anh P yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền cho anh P .

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điều 20, điều 53 BLHS đối với các bị cáo; áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33 BLHS đối với hai bị cáo Đỗ Đại T và Nguyễn Quốc K, áp dụng tình tiết đầu thú theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo K; áp dụng thêm điểm o khoản 1 điều 46 BLHS đối với Đỗ Đại T, xử phạt bị cáo T từ 21 đến 24 tháng tù, bị cáo K từ 18 đến 21 tháng tù; Áp dụng khoản 1 điều 250, điểm p khoản 1 điều 46, điều 33 BLHS đối với Trịnh Văn L, Bùi Văn M, Trần Anh T1, áp dụng thêm điểm g khoản 1 điều 48 BLHS đối với Bùi Văn M và Trần Anh T1, áp dụng thêm điểm h, khoản 1 điều 46 BLHS đối với Trịnh Văn L và Bùi Xuân D; Xử phạt Trịnh Văn L từ 09 đến 12 tháng tù, Bùi Văn M và Trần Anh T1 và Bùi Xuân Dtừ 06 đến 08 tháng tù; áp dụng điều 60 BLHS cho bị cáo Dđược hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng; áp dụng khoản 1 điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt theo bản án số 72/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Thanh Hóa đối với T và M.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 4.500.000đ cho anh Ngô Văn P, Truy thuy số tiền 1.100.000đ tiền do phạm tội mà có của Đỗ Đại T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các vật chứng đã thu giữ được và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03h30' ngày 05/5/2017 Đỗ Đại T và Nguyễn Quốc K đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe máy SYM biển kiểm soát 36B3-912.64 trị giá 4.700.000đ của gia đình ông Mai Văn T ở Thôn Tương Lạc, xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/5/2017 Đỗ Đại T và Nguyễn Quốc K đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe máy Wave S biển kiểm soát 36P2 – 0587 trị giá 7.500.000đ của gia đình ông Đào Đức H ở thôn Tương Lạc, xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tổng giá trị tài sản 02 lần các bị cáo trộm cắp là 12.200.000đ (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*), như vậy có đủ cơ sở kết luận Đỗ Đại T và Nguyễn Quốc K đã có hành vi, vi phạm vào khoản 1 điều 138 BLHS. Trịnh Văn L, Nguyễn Xuân D, Bùi Văn M, Trần Anh T1 biết tài sản do Đỗ Đại T và Nguyễn Quốc K trộm cắp mà có nhưng vẫn tìm nơi tiêu thụ, nhằm mục đích để có tiền tiêu xài, chơi điện tử, như vậy Trịnh Văn L, Nguyễn Xuân D, Bùi Văn M, Trần Anh T1 đã có hành vi vi phạm vào khoản 1 điều 250 BLHS. Bùi Văn M và Trần Anh T1 hai lần tham gia việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Trịnh Văn L và Bùi Xuân D một lần đi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xét về tính chất mức độ của vụ án thấy rằng: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, các bị cáo tập trung thành một nhóm chỉ lo chơi bời hưởng thụ, do vậy cần xử lý nghiêm tương xứng với hành vi hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo các bị cáo thành người lương thiện và làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó Đỗ Đại T là người có vai trò chính trong vụ án, là người khởi sướng, thực hành tích cực trong việc trộm cắp, chuẩn bị công cụ phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và 01 lần đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, còn Nguyễn Quốc K là người thực hành tích cực trong việc trộm cắp và cũng 01 lần đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, nên T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn K. Bị cáo T và K phạm tội cùng có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS và cùng có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, theo điểm p khoản 1 điều 46 BLHS, bị cáo T được hưởng thêm tình tiết tự thú là tình tiết giảm nhẹ theo điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS, bị cáo K có thêm tình tiết đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 46 BLHS. Bị cáo T là người có nhân thân xấu, Ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên sẽ được tổng hợp hình phạt trong vụ án này. Các bị cáo là thanh niên có sức khỏe, nhưng lười lao động, ham chơi bời, lo hưởng thụ, để có tiền tiêu sài các bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản, hành vi đó phải xử lý nghiêm M và cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành người tốt và phòng ngừa chung. Bị cáo K đã bị tạm giữ tạm giam trước đó, nên thời gian tạm giữ tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: Trịnh Văn L là người có vai trò lớn nhất, sau đó đến Bùi Xuân D, hai bị cáo là người chủ động tích cực nhất trong mỗi lần đi tiêu thụ, Bùi Văn M và Trần Anh T1 biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng các đồng phạm đi tiêu thụ 02 lần. Đối với Trịnh Văn L biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mang đi tìm nơi tiêu thụ, chưa tiêu thụ được đã trực tiếp đứng ra trả tiền cho T lấy tiền cùng các đồng phạm tiêu sài sau đó L trực tiếp mua xe của T, L phạm tội tiêu thụ 01 lần. Trần Anh T1 và Bùi Văn M 02 lần đi tiêu thụ tài sản trộm cắp, cả hai lần M và T1 tham gia với vai trò thấp đi theo giúp sức vai trò thứ yếu, không chủ động như các đồng phạm khác, số tiền hưởng lợi của T1 là 250.000đ và M là 150.000đ khi bán được xe cho anh P. Trần Xuân D 01 lần đi tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có tại quán cầm đồ P Long với vai trò chính cùng với K, D là người tích cực nhất với 03 lần trực tiếp sang bán xe thỏa thuận giá cả việc mua bán xe với anh P và là người được hưởng lợi nhiều nhất sau khi bán được xe cho anh P với tổng số tiền hưởng lợi 1.550.000đ. Trong tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo điểm p khoản 1 điều 46 BLHS; bị cáo L và D được hưởng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm h khoản 1 điều 46 BLHS. Bị cáo L đầu thú là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo M, T1 có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 điều 48 BLHS; Bị cáo L, M, T1 là người có nhân thân xấu nên cần cách ly các bị cáo một thời gian để cải tạo các bị cáo. Bị cáo M ngày 27/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện HL xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, được trừ 09 ngày tạm giữ, bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên sẽ được tổng hợp hình phạt. Bị cáo L ngày 09/3/2017 bị Công an xã Hà Bình xử phạt 1.000.000đ (một triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản, 01 lần xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vào năm 2015, ngày 23/8/2017 bị cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung khởi tố về tội trộm cắp tài sản trong một vụ án khác.

Bị cáo Trần Anh T1 ngày 05/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện HL xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” hiện đã được xóa án tích, tuy nhiên lần phạm tội này bị cáo phạm tội nhiều lần, tại phiên tòa thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo là thấp nhất trong hai lần đi tiêu thụ tài

sản, bị cáo chỉ đi theo giúp sức về mặt tinh thần và hưởng lợi một phần nhỏ tài sản khi tiêu thụ được, số tiền được hưởng lợi đã trả lại cho anh P, nên cần xem xét một mức hình phạt tương xứng với hành vi, vai trò của bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo mà xem xét một mức hình phạt tù hợp lý để bị cáo yên tâm cải tạo.

Bị cáo Nguyễn Xuân Dphạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm h, p khoản 1 điều 46 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo bị cáo. Hình phạt này vừa đảm bảo tính nghiêm M, răn đe, trừng trị, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại là ông Mai Văn T và ông Đào Đức H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu thêm gì nên miễn xét.

Trong vụ án này anh Ngô Văn P là chủ hiệu cầm đồ P Long khi mua xe anh P không biết là xe do trộm cắp mà có, xe có giấy tờ đầy đủ nên Viện kiểm sát không truy tố Ngô Văn P về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp. Số tiền 4.500.000đ các bị cáo có được từ việc bán xe cho anh P cụ thể: K sử dụng 1.550.000đ, Dsử dụng: 1.550.000đ, T sử dụng: 1.000.000đ, T1 sử dụng 250.000đ; M sử dụng 150.000đ, số tiền này các bị cáo phải trả lại cho anh P. Trần Anh T1 đã trả đủ 250.000đ cho anh P.

Về số tiền 1.100.000đ mà T bán chiếc xe máy SYM cho L thì T đã tiêu xài cá nhân hết. Số tiền này là tiền do phạm tội mà có nên sẽ truy thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave an pha, màu trắng, BKS: 36B4 - 587.17 mà M, T1, L sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe này là của bà Nguyễn Thị Bí (mẹ đẻ của L) bà Bí không biết L dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp. Đối với một số điện thoại bị cáo T, L, M khai dùng liên lạc trao đổi mua bán xe máy do điện thoại cũ, đã hư hỏng, đã lâu các bị cáo không còn sử dụng nên không có cơ sở để tịch thu sung quỹ.

Về xử lý vật chứng: Chiếc bấm móng tay mà K sử dụng làm công cụ để mở khóa cửa nhà ông H cùng một chiếc cà lê, một đầu tu vít mà T chuẩn bị trước đó để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội thì T khai nhận đã vứt bỏ cùng giá để hàng của xe máy Wave, giấy tờ, hóa đơn bán hàng tại trạm bơm xã Hà Lâm, Hà Trung, Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo T, K, M, Dmỗi bị cáo phải chịu án phí DSST trên số tiền phải trả cho anh Ngô Văn P.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Đại T, Nguyễn Quốc K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Các bị cáo Trịnh Văn L, Bùi Văn M, Trần Anh T1, Nguyễn Xuân D phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng: Khoản 1, điều 138; điểm o, p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33, điều 53, khoản 1 điều 51 BLHS; Xử phạt Đỗ Đại T 21(Hai mươi một) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 36(Ba mươi sáu) tháng tù theo bản án số 72/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Thanh Hóa. Buộc Đỗ Đại T chịu hình phạt chung của hai bản án là 57(Năm mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 17/5/2017).

- Áp dụng: Khoản 1, điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33, điều 53 BLHS; Xử phạt Nguyễn Quốc K 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ 90(Chín mươi) ngày tạm giữ tạm giam từ trước.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33, điều 53 BLHS; Xử phạt Trịnh Văn L 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (Ngày 09/8/2017).

- Áp dụng: Khoản 1 điều 250; điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33, điều 53, khoản 1 điều 51 BLHS; Xử phạt Bùi Văn M 07 (Bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 11(mười một) tháng 21(Hai mươi một) ngày tù theo bản án số 72/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Thanh Hóa. Buộc Bùi Văn M chịu hình phạt chung của hai bản án là 18(Mười tám) tháng 21(Hai mươi một) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam (Ngày 07/9/2017).

- Áp dụng: Khoản 1 điều 250; điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33, điều 53 BLHS; Xử phạt Trần Anh T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giam từ trước.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 250; điểm h, p khoản 1, điều 46, điều 60, điều 53 BLHS; Xử phạt Nguyễn Xuân D06(Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng: điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự;

Truy thu Đỗ Đại T số tiền 1.100.000đ(*Một triệu một trăm nghìn đồng*) tiền Đỗ Đại T bán xe cho Trịnh Văn L (tiền do phạm tội mà có) để sung công quỹ nhà nước.

Về dân sự: Buộc Đỗ Đại T phải trả số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), Nguyễn Quốc K phải trả 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), Nguyễn Xuân D phải trả 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), Bùi Văn M phải trả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) cho anh Ngô Văn P.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Đỗ Đại T, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Xuân D và Bùi Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS, điều 6, khoản 3 điều 21, điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Đỗ Đại T, Nguyễn Quốc K, Trịnh Văn L, Bùi Văn M, Trần Anh T1, Nguyễn Xuân D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đỗ Đại T, Nguyễn Quốc K, Bùi Văn M, Nguyễn Xuân D mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, ông H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ; Anh P có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện Hà Trung;
- Công an huyện Hà Trung;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(*Đã ký*)

Hoàng Văn Đạt